

Số: 124/2020/QĐST-VDS

Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54, 55 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 111/2020/TB-TA, ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Vũ Lê H, sinh năm 1992; Địa chỉ thường trú: Khu Mã Thượng B, thị trấn P, huyện P, tỉnh P; Địa chỉ tạm trú: Tổ 2, Khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh B.

- Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thị trấn V, huyện V, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Lê H và chị Nguyễn Thị O là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 13/8/2018 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh B. Anh H và chị O đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh H và chị O yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị O khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu chịu theo quy định tại Điều của 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 12/3/2020 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thành phố T là

hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Lê H và chị Nguyễn Thị O thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày ban hành quyết định này, giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh B cấp cho anh H và chị O không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Vũ Lê H và chị Nguyễn Thị O khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Vũ Lê H và chị Nguyễn Thị O mỗi người nộp số tiền là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016- 0041588 ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh B;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hoa Hạnh